

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh sau đại học hệ dân sự năm 2026

Căn cứ Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-BQP ngày 10/02/2026 của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam về việc giao chỉ tiêu đào tạo hệ dân sự năm học 2026-2027 cho các cơ sở giáo dục trong Quân đội.

Căn cứ Hướng dẫn số 869/HD-TSQS ngày 11/02/2026 của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng hướng dẫn công tác tuyển sinh sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong Quân đội năm 2026;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21/5/2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII và BSNT.

Học viện Quân y thông báo tuyển sinh sau đại học trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II năm 2026, như sau:

I. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, CHỈ TIÊU VÀ CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1. Hình thức, thời gian đào tạo của các trình độ

a) Hình thức đào tạo

- Chính quy, tập trung.

b) Thời gian đào tạo

- Trình độ tiến sĩ:

+ **03** năm (36 tháng) với người có bằng thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ tương đương bậc 7 theo khung trình độ quốc gia.

+ **04** năm (48 tháng) với người có bằng tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên.

- Trình độ thạc sĩ (định hướng nghiên cứu): **02** năm.

- Trình độ chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II: **02** năm.

2. Chỉ tiêu theo ngành/chuyên ngành

a) Chỉ tiêu trình độ tiến sĩ: 50 (Phụ lục I).

b) Chỉ tiêu trình độ thạc sĩ: 60 (Phụ lục II).

c) Chỉ tiêu trình độ chuyên khoa cấp I: 150 (Phụ lục III).

d) Chỉ tiêu trình độ chuyên khoa cấp II: 90 (Phụ lục IV).

II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Điều kiện chung

- Thí sinh là công dân Việt Nam, có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian bị truy tố hoặc thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương (*đối với thí sinh tự do*) xác nhận.

- Được cơ quan quản lý nhân sự đồng ý cho phép tham gia dự tuyển bằng văn bản; Nếu thí sinh không thuộc quản lý của cơ quan nào tại thời điểm đăng ký dự tuyển (*thí sinh tự do*) cần bản cam kết về việc cá nhân không thuộc sự quản lý, không ký hợp đồng lao động, chuyên môn với bất kỳ cơ quan/tổ chức nào trong thời điểm đăng ký dự tuyển;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định;

- Thí sinh đang là học viên sau đại học của các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe không được đăng ký dự tuyển. Tất cả các trường hợp vi phạm sẽ bị hủy kết quả thi.

2. Điều kiện về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm/thâm niên công tác chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học cho từng đối tượng.

Trình độ đào tạo	Điều kiện	
	Văn bằng	Điều kiện giấy phép, thâm niên hành nghề/kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ...
Tiến sĩ	- Đã tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên, hoặc tốt nghiệp thạc sĩ, hoặc tốt nghiệp đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ tương đương bậc 7 theo khung trình độ quốc gia Việt Nam phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.	- Thí sinh có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn tốt nghiệp thạc sĩ định hướng nghiên cứu hoặc luận văn bác sĩ nội trú hoặc luận văn chuyên khoa cấp II; hoặc có ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã được công bố; hoặc 01 giải pháp hữu ích, bằng độc quyền sáng chế; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học công nghệ. - Có năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau (<i>Phụ lục V</i>): + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài; + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; + Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 (<i>theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</i>) được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trong tuyển sinh

Trình độ đào tạo	Điều kiện	
	Văn bằng	Điều kiện giấy phép, thâm niên hành nghề/kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ...
		trình độ sau đại học còn hiệu lực 02 năm tính đến ngày xét tuyển; - Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa; - Thư giới thiệu của tối thiểu 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hiểu rõ về thí sinh và am hiểu về chủ đề nghiên cứu của thí sinh đề xuất hoặc công tác trong ngành/chuyên ngành mà thí sinh đăng ký dự tuyển.
Thạc sĩ (<i>định hướng nghiên cứu</i>)	Tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp	- Tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc hạng tốt nghiệp trung bình/trung bình khá phải có công bố khoa học (<i>là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, chương sách tham khảo, sách chuyên khảo liên quan đến ngành thi tuyển</i>).
Chuyên khoa cấp I	Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển.	- Đối với các ngành/chuyên ngành yêu cầu phải có giấy phép hành nghề theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh: thí sinh chỉ được dự thi sau khi có giấy phép/chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định. - Đối với trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành khác với phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi.
Chuyên khoa cấp II	- Có bằng tốt nghiệp CKI/BSNT/thạc sĩ đúng với ngành/chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ CKI, BSNT, thạc sĩ hoặc theo nguyên tắc chuyên ngành hẹp	- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: sau khi tốt nghiệp CKI/BSNT/thạc sĩ và có giấy phép/chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với các ngành, chuyên ngành yêu cầu phải có giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh) theo quy định. - Đối tượng tuyển sinh chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế nếu có văn bằng CKI/BSNT/thạc sĩ không đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi phải có xác nhận bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị về việc thí sinh đang làm lãnh

Trình độ đào tạo	Điều kiện	
	Văn bằng	Điều kiện giấy phép, thâm niên hành nghề/kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ...
	(sâu) của ngành tương ứng với ngành đã được đào tạo ở trình độ CKI/BSNT/thạc sĩ.	đạo hoặc đã được quy hoạch lãnh đạo cấp Khoa/Phòng/Bộ môn trở lên.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Xét tuyển

- Áp dụng đối với thí sinh đăng ký tuyển sinh trình độ tiến sĩ.
- Đánh giá đề cương nghiên cứu và các tiêu chí phụ do Hội đồng tuyển sinh sau đại học quyết định.

2. Thi tuyển

- Áp dụng đối với thí sinh đăng ký tuyển sinh thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II.
- Môn thi, hình thức thi, thời gian thi:

TT	Đối tượng	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1.	CKI	Cơ sở	Trắc nghiệm	70 phút
		Chuyên ngành	Trắc nghiệm	70 phút
2.	CKII	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Trắc nghiệm	100 phút
		Chuyên ngành	Tự luận	120 phút
3.	Thạc sĩ	Cơ sở	Trắc nghiệm	70 phút
		Chuyên ngành	Trắc nghiệm	70 phút
		Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Thi 04 kỹ năng: nghe hiểu, nói, đọc hiểu, viết	- Viết, đọc hiểu, nghe hiểu: 145 phút; - Nói: 10 phút

- Miễn thi môn ngoại ngữ cho thí sinh dự tuyển thạc sĩ, chuyên khoa cấp II khi thí sinh có năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau (*Phụ lục V*):

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trong tuyển sinh trình độ sau đại học còn hiệu lực 02 năm tính đến ngày thi tuyển;

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Đối tượng

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi*) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo). Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng.

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Áp dụng

Đối với thí sinh đăng ký tuyển sinh thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II.

3. Mức ưu tiên

- Thí sinh đăng ký dự thi thạc sĩ: cộng **01** điểm (*thang điểm 10*) vào tổng điểm thi tuyển.

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I: cộng **01** điểm (*thang điểm 10*) cho môn thi cơ sở.

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên khoa cấp II: cộng **01** điểm (*thang điểm 10*) cho môn chuyên ngành.

Lưu ý: *Thí sinh chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ minh chứng pháp lý và có xác nhận của cơ quan thẩm quyền khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi.*

V. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG TUYỂN

1. Trình độ tiến sĩ

a) Điều kiện

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt điểm đánh giá đề cương nghiên cứu tối thiểu đạt 50 điểm (*thang điểm 100*).

b) Xét trúng tuyển

- Xếp thứ tự điểm đánh giá đề cương nghiên cứu của các thí sinh từ cao xuống thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu của từng ngành. Sau khi tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển đợt 1, Hội đồng tuyển sinh sẽ công bố chỉ tiêu còn lại theo ngành trước khi tổ chức tuyển sinh đợt 2;

- Trường hợp thí sinh có điểm đánh giá đề cương nghiên cứu bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên có tổng điểm các tiêu chí phụ cao hơn. (*Phụ lục VI*).

2. Trình độ thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II

a) Điều kiện

Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt từ 50% của tổng điểm đối với từng môn thi (*sau khi đã cộng điểm ưu tiên nếu có*) không thực hiện việc làm tròn điểm, công bố điểm tới hai chữ số sau dấu phẩy. Riêng môn thi tiếng Anh của thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ thực hiện theo Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Xét trúng tuyển

- Điểm xét trúng tuyển: **Tổng điểm các môn thi** (*không tính điểm môn tiếng Anh*).

- Xếp điểm xét trúng tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp theo ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi hết chỉ tiêu theo ngành/chuyên ngành đã được phê duyệt.

- Trường hợp thí sinh có điểm xét trúng tuyển bằng nhau xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên: *1) Điểm môn chuyên ngành cao hơn; 2) Điểm trung bình toàn khóa bậc học cao nhất cao hơn; 3) Thâm niên công tác chuyên môn nhiều hơn; 4) Các trường hợp còn lại do Hội đồng tuyển sinh sau đại học quyết định.*

* Căn cứ số lượng thí sinh đạt điều kiện xét trúng tuyển, Học viện Quân y có thể báo cáo với các cơ quan quản lý để điều chỉnh chỉ tiêu giữa các ngành/chuyên ngành cùng đối tượng dự tuyển. Việc điều chỉnh được thực hiện trước khi công bố trúng tuyển và công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện Quân y.

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đơn xin dự tuyển.

2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh đóng dấu giáp lai ảnh vào các trang, có xác nhận của cơ quan, đơn vị cử đi học hoặc chính quyền địa phương đối với thí sinh tự do.

3. Bản sao công chứng bằng và bảng điểm

- Thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ tiến sĩ: Bằng tốt nghiệp, bảng điểm đại học và thạc sĩ hoặc bằng tốt nghiệp, bảng điểm chương trình đào tạo tương đương bậc 7 khung năng lực quốc gia.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ, chuyên khoa cấp I: Bằng tốt nghiệp, bảng điểm đại học.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp II: Bằng tốt nghiệp, bảng điểm đại học và chuyên khoa cấp I, hoặc thạc sĩ, hoặc bác sĩ nội trú.

*** Nếu bằng tốt nghiệp sau đại học và bảng điểm do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải công chứng dịch thuật và có giấy xác nhận văn bằng ghi rõ ngành/chuyên ngành đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

4. Giấy chứng nhận sức khỏe (*theo Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023*).

5. Bản sao công chứng

- Giấy phép/chứng chỉ hành nghề đối với thí sinh đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II (*đối với các lĩnh vực cần có giấy phép hành nghề*).

- Bằng, bằng điểm/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định (*điều kiện đối với thí sinh xét tuyển trình độ tiến sĩ; sử dụng xét miễn thi tuyển sinh môn ngoại ngữ đối với thí sinh thi tuyển thạc sĩ, chuyên khoa cấp II*).

6. Quyết định hoặc công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý nhân sự có thẩm quyền hoặc cam kết không làm việc, ký hợp đồng lao động chuyên môn với bất kỳ cơ quan nào trong thời điểm đăng ký dự tuyển (*thí sinh tự do*).

7. Xác nhận, minh chứng thuộc đối tượng chính sách ưu tiên, chỉ tính sau thời gian tốt nghiệp đại học.

8. Xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi (*thí sinh đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I có giấy phép/chứng chỉ hành nghề khác phạm vi chuyên ngành đăng ký dự thi*).

+ Thuộc cơ quan y tế công lập: Bản sao công chứng hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm/chuyển ngạch viên chức/công chức, quyết định phân công công tác (sau thời điểm tốt nghiệp đại học) và xác nhận kinh nghiệm công tác trong chuyên ngành dự thi;

+ Thuộc cơ quan y tế ngoài công lập: Bản sao công chứng hợp đồng lao động, giấy phép hoạt động, danh mục kỹ thuật của cơ sở y tế và xác nhận kinh nghiệm công tác trong chuyên ngành dự thi;

9. Bản cam kết sử dụng văn bằng đại học/sau đại học, văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ để đăng ký dự tuyển.

10. Bốn ảnh chân dung cỡ 3x4 cm nền xanh (*chụp không quá 06 tháng*), ghi rõ họ và tên, ngày sinh, chuyên ngành dự tuyển sau mỗi ảnh và đựng trong bì thư.

11. Thí sinh đăng ký xét tuyển trình độ tiến sĩ bổ sung thêm

- Lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn và các bài báo minh chứng đủ điều kiện của người dự kiến hướng dẫn.

- Thư giới thiệu của tối thiểu 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hiểu rõ về thí sinh và am hiểu về chủ đề nghiên cứu của thí sinh đề xuất hoặc công tác trong ngành/chuyên ngành mà thí sinh đăng ký dự tuyển

- Đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa;

- Các bài báo hoặc báo cáo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu, giải pháp hữu ích, bằng độc quyền sáng chế.

Lưu ý:

- Giấy khám sức khỏe, các bản sao công chứng bằng, bằng điểm, chứng chỉ, quyết định..., trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

- Nếu bằng tốt nghiệp, bằng điểm đại học, sau đại học do các trường đại học nước ngoài cấp phải công chứng dịch thuật và có giấy xác nhận văn bằng ghi rõ ngành, chuyên ngành đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các bài báo hoặc báo cáo khoa học (phô tô gồm trang bìa tạp chí khoa học, mục lục và toàn văn bài báo/báo cáo), các đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu (kèm theo minh chứng: quyết định giao đề tài, biên bản nghiệm thu, quyết định nghiệm thu đề tài, giải pháp hữu ích, bằng độc quyền sáng chế (quyết định, chứng nhận)).

VII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

1. Thời gian phát hành hồ sơ

Thí sinh tải mẫu hồ sơ dự tuyển trên trang thông tin điện tử Học viện Quân y (Web: <https://hocvienquany.vn>) vào mục tuyển sinh sau đại học từ ngày 03/3/2026.

2. Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ tuyển sinh **trực tuyến** tại địa chỉ:

<https://hocvienquany.vn/tin-tuyen-sinh/tin-tuc-tuyen-sinh-sau-dai-hoc#>

- Hệ thống sẽ mở để đăng ký hồ sơ dự tuyển chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, thạc sĩ từ ngày 10/3/2026 đến hết ngày 10/4/2026.

- Hệ thống sẽ mở để đăng ký hồ sơ dự tuyển tiến sĩ từ ngày 10/3/2026 đến hết ngày 20/4/2026.

- Hướng dẫn chi tiết cách thức đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến tại trang thông tin điện tử Học viện Quân y (Web: <https://hocvienquany.vn>) vào mục tuyển sinh sau đại học. Sau khi đăng ký hồ sơ trực tuyến thành công, thí sinh sẽ được cung cấp 01 mã hồ sơ trong email xác nhận đăng ký trực tuyến thành công. Mã hồ sơ cần được ghi vào góc phải trên cùng của túi hồ sơ đăng ký dự thi.

- Hồ sơ thí sinh nộp **trực tuyến** được kiểm tra nếu chưa hợp lệ, còn thiếu thí sinh chuẩn bị lại hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu trên hệ thống thông báo về email của thí sinh và nộp lại hồ sơ mới để được kiểm duyệt lại lần 2 (*thời gian hoàn chỉnh hồ sơ và tải lại không quá 3 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo bổ sung, sau thời gian này, thí sinh không hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu sẽ bị loại hồ sơ*).

3. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ bản giấy và đăng ký ôn tập dự thi

a) Đối với các thí sinh đăng ký dự tuyển tại Học viện Quân y

- Thời gian: sáng 8h00-11h30; chiều 13h30-16h30

+ Hồ sơ dự tuyển chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, thạc sĩ: ngày 15-16/4/2026.

+ Hồ sơ dự tuyển tiến sĩ: ngày 25-26/4/2026.

- Địa điểm: Hội trường Đỗ Xuân Hợp, Học viện Quân y, số 160 Phùng Hưng - Phường Hà Đông - TP. Hà Nội.

b) Đối với các thí sinh đăng ký dự tuyển tại Phân hiệu phía Nam, Học viện Quân y (Hồ sơ dự tuyển chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II).

- Thời gian: sáng 8h00-11h30; chiều 13h30-16h30 các ngày 14-15/4/2026.

- Địa điểm: Phòng A102, Tòa A khu Giảng đường, Phân hiệu phía Nam Học viện Quân y, số 84 Thành Thái - Phường Hòa Hưng - Thành phố Hồ Chí Minh.

Lưu ý:

- Thí sinh bắt buộc phải đăng ký hồ sơ dự thi **trực tuyến** thành công tại trang thông tin điện tử Học viện Quân y (Web: <https://hocvienquany.vn>) trước khi nộp hồ sơ bản giấy. Các nội dung trong hồ sơ trực tuyến phải giống hồ sơ bản giấy đăng ký dự tuyển.

- Tất cả giấy tờ trong hồ sơ bản giấy đăng ký dự tuyển được xếp theo thứ tự và đựng trong túi hồ sơ đăng ký dự thi, mã hồ sơ được ghi vào góc phải trên cùng của nhãn túi hồ sơ, thí sinh phải ghi đầy đủ thông tin trên nhãn hồ sơ và nộp hồ sơ bản giấy theo thời gian và địa điểm đã thông báo ở trên. Học viện Quân y chỉ tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh đã có đủ giấy tờ theo quy định và sắp xếp theo thứ tự như trên đựng trong túi hồ sơ;

- Học viện Quân y không nhận hồ sơ bản giấy qua bưu điện hoặc chuyển phát nhanh.

- Hồ sơ và các khoản thu liên quan đến tuyển sinh sẽ không được hoàn lại nếu thí sinh bỏ thi hoặc thi không trúng tuyển;

- Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận trong đăng ký hồ sơ dự thi sẽ không được dự thi; Nếu thí sinh vi phạm đã dự thi và được công nhận trúng tuyển, khi bị phát hiện khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả thi tuyển. Các trường hợp vi phạm sẽ bị lập biên bản, thông báo về cơ quan quản lý/chính quyền địa phương và gửi cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

IX. KINH PHÍ TUYỂN SINH

- Kinh phí đăng ký dự tuyển và hướng dẫn nộp kinh phí (Phụ lục VII).

X. THỜI GIAN TỔ CHỨC THI TUYỂN, CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI TUYỂN VÀ NHẬP HỌC

1. Trình độ tiến sĩ

- Xét tuyển: 20/5/2026 đến 20/6/2026.

- Công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến trước ngày 30/7/2026.

- Nhập học: Dự kiến tháng 9/2026.

2. Trình độ thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II

- Tổ chức hướng dẫn ôn tập trực tuyến: từ ngày 20/4/2026 đến ngày 12/5/2026.

- Công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi: dự kiến ngày 06/5/2026.

- Phổ biến quy chế thi, công bố danh sách phòng thi, thẻ dự thi: ngày 14/5/2026.

- Tổ chức thi tuyển: ngày 16 và 17/5/2026, Kế hoạch tổ chức thi chi tiết được thông báo tại trang thông tin điện tử Học viện Quân y.

- Công bố kết quả thi tuyển: dự kiến trước ngày 15/6/2026.

- Nhận đơn phúc khảo: dự kiến từ ngày 16/6/2026 đến ngày 22/6/2026; công bố kết quả phúc khảo dự kiến ngày 30/6/2026.

- Công bố kết quả trúng tuyển: dự kiến trước ngày 30/7/2026.

- Nhập học dự kiến tháng 9/2026.

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển được công khai tại trang thông tin điện tử Học viện Quân y (Web: <https://hocvienquany.vn>).

Điện thoại: 0981.619.345 (Đ/c Phương, Trợ lý tuyển sinh sau đại học, HVQY).

Đề nghị các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế trong toàn quốc thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho những người đủ điều kiện, có nguyện vọng dự tuyển hoàn thành hồ sơ và đăng ký dự tuyển đúng thời hạn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Cục Quân huấn-Nhà trường (QM);
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo);
- Các cơ quan đơn vị trong toàn Học viện (QM);
- Các cơ sở đào tạo lĩnh vực sức khỏe;
- Các Sở Y tế, Bệnh viện, Viện, TTYT;
- Lưu VT, J9. P100.

GIÁM ĐỐC

Trung tướng Trần Viết Tiến

Phụ lục I
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo Thông báo số /TB-HVQY ngày / /2026 của Học viện Quân y)

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1.	9720101	Khoa học y sinh	Sinh lý học	
			Sinh lý bệnh	
			Giải phẫu người	
			Giải phẫu bệnh	
			Ký sinh trùng côn trùng và y học	
			Vì sinh y học	
			Mô phôi thai học	
			Dị ứng và miễn dịch	
			Hóa sinh	
2.	9720102	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	
3.	9720103	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Hồi sức cấp cứu và chống độc	
4.	9720104	Ngoại khoa	Chấn thương chỉnh hình	
			Ngoại tiêu hóa	
			Ngoại Bông	
			Ngoại Thận và tiết niệu	
			Ngoại Thần kinh và sọ não	
			Ngoại Lồng ngực	
5.	9720107	Nội khoa	Nội Tiêu hóa	
			Nội Tim mạch	
			Nội Hô hấp	
			Nội tiết	
			Nội Xương khớp	
			Nội Thận tiết niệu	
6.	9720108	Ung thư	Ung thư	
7.	9720109	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
8.	9720110	Y học dự phòng	Sức khỏe nghề nghiệp	
			Sức khỏe môi trường	
9.	9720115	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	
10.	9720117	Dịch tễ học	Dịch tễ học	
11.	9720118	Dược lý và độc chất	Dược lý và độc chất	
12.	9720119	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
13.	9720158	Khoa học thần kinh	Thần kinh	
			Tâm thần	
14.	9720202	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	
15.	9720212	Tổ chức quản lý dược	Tổ chức quản lý dược	
16.	9720801	Quản lý y tế	Quản lý y tế	
Tổng				50

Phụ lục II
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo Thông báo số /TB-HVQY ngày / /2026 của Học viện Quân y)

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1.	8720101	Khoa học y sinh	Sinh lý học	
			Sinh lý bệnh	
			Giải phẫu người	
			Giải phẫu bệnh	
			Ký sinh trùng côn trùng và y học	
			Vi sinh y học	
			Mô phôi thai học	
			Sinh học di truyền	
			Hóa sinh	
			Huyết học truyền máu	
			Dị ứng và miễn dịch	
2.	8720104	Ngoại khoa	Chấn thương chỉnh hình	
			Ngoại Tiêu hóa	
			Ngoại Bụng	
			Gây mê hồi sức	
			Ngoại Thận và tiết niệu	
			Ngoại Thần kinh và sọ não	
			Ngoại Lồng ngực	
3.	8720105	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	
4.	8720107	Nội khoa	Nội Tiêu hóa	
			Nội Tim mạch	
			Nội Hô hấp	
			Da liễu	

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu
			Nội tiết	
			Nội Xương Khớp	
			Nội Thận tiết niệu	
			Hồi sức cấp cứu và chống độc	
			Ung thư	
5.	8720109	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	
6.	8720110	Y học dự phòng	Sức khỏe nghề nghiệp	
			Sức khỏe môi trường	
7.	8720111	Điện quang và y học hạt nhân	Chẩn đoán hình ảnh	
			Y học hạt nhân	
8.	8720115	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	
9.	8720119	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
10.	8720155	Tai mũi họng	Tai mũi họng	
11.	8720158	Khoa học thần kinh	Thần kinh	
			Tâm thần	
12.	8720202	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	
13.	8720701	Y tế công cộng	Y tế công cộng	
Tổng				60

Ghi chú: Căn cứ số lượng thí sinh đủ điều kiện thi tuyển giữa các chuyên ngành, Học viện Quân y báo cáo với các cơ quan quản lý thông báo dự kiến chỉ tiêu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành trước thời gian tổ chức thi tuyển sinh công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện Quân y.

Phụ lục III
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP I
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH

(Kèm theo Thông báo số /TB-HVQY ngày / /2026 của Học viện Quân y)

TT	Chuyên ngành	Đào tạo tại HVQY (TP. Hà Nội)	Đào tạo tại PHPN (TP. HCM)	Chỉ tiêu
1.	Chẩn đoán hình ảnh	X	X	
2.	Ngoại khoa	X	X	
3.	Ngoại Bông	X	X	
4.	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	X		
5.	Sản phụ khoa	X		
6.	Nhi khoa	X		
7.	Nội khoa	X	X	
8.	Thần kinh	X	X	
9.	Tâm thần	X		
10.	Ung thư	X	X	
11.	Huyết học - Truyền máu	X		
12.	Răng Hàm Mặt	X	X	
13.	Hồi sức cấp cứu và chống độc	X	X	
14.	Gây mê hồi sức	X	X	
15.	Da liễu	X	X	
16.	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	X		
17.	Phục hồi chức năng	X	X	
18.	Tai mũi họng	X		
19.	Nhãn khoa	X		
20.	Y học cổ truyền	X		

TT	Chuyên ngành	Đào tạo tại HVQY (TP. Hà Nội)	Đào tạo tại PHPN (TP. HCM)	Chỉ tiêu
21.	Y học dự phòng	X		
22.	Y học Thể thao	X		
23.	Quản lý Y tế	X		
24.	Y học hàng không	X		
25.	Y học dưới nước	X		
26.	Y học hạt nhân	X	X	
27.	Mô phôi thai học	X		
28.	Giải phẫu bệnh	X		
29.	Hóa sinh	X		
30.	Vi sinh y học	X		
31.	Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc	X		
32.	Tổ chức quản lý Dược	X		
Tổng				150

Ghi chú: Căn cứ số lượng thí sinh đủ điều kiện thi tuyển giữa các chuyên ngành, Học viện Quân y báo cáo với các cơ quan quản lý thông báo dự kiến chỉ tiêu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành trước thời gian tổ chức thi tuyển sinh công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện Quân y.

Phụ lục IV
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP II
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo Thông báo số /TB-HVQY ngày / /2026 của Học viện Quân y)

TT	Chuyên ngành	Đào tạo tại HVQY (TP. Hà Nội)	Đào tạo tại PHPN (TP. HCM)	Chỉ tiêu
1.	Mô phôi thai học	X		
2.	Giải phẫu bệnh	X		
3.	Hóa sinh y học	X		
4.	Chẩn đoán hình ảnh	X	X	
5.	Ngoại khoa	X		
6.	Ngoại Bổng	X	X	
7.	Ngoại Tiêu hóa	X		
8.	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	X		
9.	Ngoại Thận và Tiết niệu	X		
10.	Ngoại Thần kinh sọ não	X		
11.	Chấn thương chỉnh hình	X	X	
12.	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	X		
13.	Nội khoa	X	X	
14.	Nội Tiêu hóa	X	X	
15.	Nội Hô hấp	X	X	
16.	Nội Xương Khớp	X		
17.	Nội Nội tiết	X	X	
18.	Nội Thận Tiết niệu	X		
19.	Nội Tim mạch	X		
20.	Thần kinh	X		

TT	Chuyên ngành	Đào tạo tại HVQY (TP. Hà Nội)	Đào tạo tại PHPN (TP. HCM)	Chỉ tiêu
21.	Tâm thần	X		
22.	Ung thư	X		
23.	Huyết học - Truyền máu	X		
24.	Răng Hàm Mặt	X	X	
25.	Hồi sức cấp cứu và chống độc	X	X	
26.	Gây mê hồi sức	X	X	
27.	Da liễu	X	X	
28.	Bệnh Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	X		
29.	Phục hồi chức năng	X	X	
30.	Tai Mũi Họng	X		
31.	Nhãn khoa	X		
32.	Y học cổ truyền	X		
33.	Vi sinh y học	X		
34.	Y học dự phòng	X		
35.	Quản lý Y tế	X		
36.	Y học hạt nhân	X	X	
37.	Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc	X		
38.	Tổ chức quản lý Dược	X		
Tổng				90

Ghi chú: Căn cứ số lượng thí sinh đủ điều kiện thi tuyển giữa các chuyên ngành, Học viện Quân y báo cáo với các cơ quan quản lý thông báo dự kiến chỉ tiêu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành trước thời gian tổ chức thi tuyển sinh công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện Quân y.

Phụ lục V
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI
NGŨ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3, BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6
BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
(Kèm theo Thông báo số ____/TB-HVQY ngày ____/____/2026 của Học viện Quân y)

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		IELTS	4.5 – 5.0	5.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary /Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: 160-179
		Aptis (British Council (BC))	B1 (General)	B2 (General)
		Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (VSTEP)	VSTEP B1	VSTEP B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe-Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 3 (TDN 3)	TestDaF level 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 3	HSK level 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Phụ lục VI
ĐIỂM TIÊU CHÍ PHỤ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Kèm theo Thông báo số /TB-HVQY ngày / /2026 của Học viện Quân y)

TT	Nội dung chấm điểm					Thang điểm	Ghi chú			
1	Kết quả học tập (chỉ chấm điểm cho mục a hoặc b)	a) có bằng Thạc sĩ, BSNT, CKII	Điểm tổng kết toàn khóa học (chỉ chấm 1 trong 2 mục)	Ngành đúng	$\geq 9,0$	7				
					Từ 8,0 đến dưới 9,0	5				
					Từ 5,5 đến dưới 8,0	3				
				Ngành phù hợp	$\geq 9,0$	5				
					Từ 8,0 đến dưới 9,0	3				
					Từ 5,5 đến dưới 8,0	2				
			Điểm luận văn		$\geq 9,0$	3				
					$< 9,0$	2				
		b) Có bằng đại học	Điểm tổng kết toàn khóa học (chỉ chấm 1 trong 2 mục)	Ngành đúng	Xuất sắc	7				
					Giỏi	5				
				Ngành phù hợp	Xuất sắc	5				
					Giỏi	3				
2	Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus		Tác giả đầu tiên hoặc tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	4				
					Đồng tác giả (số bài báo X thang điểm)	3				
			Giải pháp hữu ích, bằng độc quyền sáng chế		Tác giả đầu tiên hoặc tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	3				
					Đồng tác giả (số bài báo X thang điểm)	2				
			Trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có phản biện		Tác giả đầu tiên hoặc tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	2				
					Đồng tác giả (số bài báo X thang điểm)	1,5				
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HDDCDGSNN tính 0,75 điểm trở lên		Tác giả đầu tiên hoặc tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	1,5				
					Đồng tác giả (số bài báo X thang điểm)	1				
			Tạp chí khác		Tác giả đầu tiên hoặc tác giả liên hệ (số bài báo X thang điểm)	1				
					Đồng tác giả (số bài báo X thang điểm)	0,5				
			3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Trên 24 tháng công tác trong chuyên ngành/ngành				5	
					Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong chuyên ngành/ngành				3	
Dưới 12 tháng công tác trong chuyên ngành/ngành					1					

Phụ lục VII
KINH PHÍ TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC HỆ DÂN SỰ
NĂM 2025 TẠI HỌC VIỆN QUÂN Y
(Kèm theo Thông báo số /TB-HVQY ngày / /2026 của Học viện Quân y)

I. Quy định về kinh phí tuyển sinh sau đại học

1. Xét tuyển trình độ tiến sĩ: 2.060.000 đồng/ứng viên

- + Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000 đồng
- + Lệ phí xét tuyển: 2.000.000 đồng

2. Thi tuyển trình độ thạc sĩ: 420.000 đồng/ứng viên

- + Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000 đồng
- + Lệ phí dự thi tuyển: 120.000 đồng/môn thi

3. Thi tuyển trình độ chuyên khoa cấp II: 300.000 đồng/ứng viên

- + Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000 đồng
- + Lệ phí dự thi tuyển: 120.000 đồng/môn thi

4. Thi tuyển trình độ chuyên khoa cấp I: 300.000 đồng/ứng viên

- + Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000 đồng
- + Lệ phí dự thi tuyển: 120.000 đồng/môn thi